TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THANH HOÁ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2026/DS-ST.
Ngày: 16/4/2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Tâm

Bà Nguyễn Thị Tường Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 83/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2026/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Quyết T – sinh năm 1993

Số CCCD: 038093xxxxxx

Nơi ĐKHKTT và nơi ở hiện nay: Thôn X, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn**: Bà Lê Thị Ngọc Á – sinh năm 1989;

Số CCCD: 038189xxxxxx

Nơi ĐKHKTT: Xóm H, xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Xóm F, xã B, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Quyết T trình bày:

Ngày 29/01/2025, ông T có cho bà Lê Thị Ngọc Á vay số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), thời hạn trả nợ là ngày 30/6/2025, khi vay không thoả

thuận về lãi suất. Đến hạn trả nợ, bà Á không trả nợ nên ông T đã đòi nhiều lần nhưng bà Á đều khất lần cố tình không chịu trả nợ. Vì vậy, ông T đề nghị Tòa án buộc bà Lê Thị Ngọc Á phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 300.000.000 (ba trăm triệu đồng), ông T không yêu cầu bà Á phải trả tiền lãi.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc Á sau khi thụ lý vụ án đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai của bà Á.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Quyết T khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Ngọc Á phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 300.000.000 đồng. Bà Á cư trú tại xã B, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa theo Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời trình bày của nguyên đơn và căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 463 Bộ luật dân sự vụ án có quan hệ pháp luật: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Lê Thị Ngọc Á đến Tòa án để làm bản tự khai, trình bày ý kiến nhưng bà Á không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không có lời khai của bà Á. Tòa án đã tống đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng bà Á không đến Tòa án. Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bà Á và không tiến hành hòa giải được vụ án. Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho bà Á theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Á đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Các thủ tục đã được tiến hành đảm bảo theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự chứng tỏ bà Á cố tình trốn tránh. Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Á không có mặt theo quyết định của Toà án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà Á là đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà đương sự khác đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đối với yêu cầu về trả tiền nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Ngọc Á không đến Tòa án làm việc cho dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ vào giấy vay tiền thể hiện ngày 29/01/2025 bà Lê Thị Ngọc Á có vay

của ông Nguyễn Quyết T số tiền là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 05 tháng, chậm nhất vào ngày 30/6/2025 bà Á phải trả đầy đủ số tiền gốc đã vay là 300.000.0000 đồng cho ông T. Trong giấy vay tiền không có thoả thuận về lãi suất. Như vậy, khẳng định đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, không có lãi. Bà Lê Thị Ngọc Á đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết. Do đó, ông Nguyễn Quyết T yêu cầu bà Á phải trả cho ông T số tiền nợ gốc đã vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) là có căn cứ nên được chấp nhận. Buộc bà Lê Thị Ngọc Á phải có trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Quyết T số tiền nợ gốc đã vay là 300.000.000 đồng phù hợp với quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự.

Về lãi xuất: Trong giấy vay nợ không thoả thuận lãi suất, ông T không yêu cầu bị đơn là bà Á phải trả lãi phát sinh. Do đó, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quyết T được chấp nhận nên bà Lê Thị Ngọc Á phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% tương ứng với số tiền phải trả nợ. Trả lại cho ông Nguyễn Quyết T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 147; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116, Điều 117, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463; Điều 466, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 6, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quyết T.

Buộc bà Lê Thị Ngọc Á phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Quyết T số tiền nợ gốc đã vay là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Quyết T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà Lê Thị Ngọc Á còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc Á phải chịu 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho ông Nguyễn Quyết T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003357 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hoá.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn ông Nguyễn Quyết T, bị đơn bà Lê Thị Ngọc Á có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương Giang